

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐG
TỈNH KON TUM**
Số: 14/2019/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐG, ngày 28 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số 18/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Kring Quỳnh T; Sinh năm: 13/01/1989; Địa chỉ: Thôn Long N, thị trấn ĐG, huyện ĐG, tỉnh Kon Tum.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hồ Chí T; Sinh năm: 1986; Địa chỉ: Thôn Long N, thị trấn ĐG, huyện ĐG, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2019 là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Kring Quỳnh T và anh Nguyễn Hồ Chí T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Kring Quỳnh T và anh Nguyễn Hồ Chí T thuận tình ly hôn.

2.2. Về quan hệ con chung:

Giao cháu Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 30/9/2012 và cháu Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 02/7/2018 cho chị Kring Quỳnh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Thời gian chị T nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và cháu N, anh T phải đóng góp tiền phí tổn nuôi con chung: Tính từ ngày Quyết định cho các đương sự ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu N và N đủ 18 tuổi và sống tự lập được. Anh Nguyễn Hồ Chí

T phải đóng góp cho chị Kring Quỳnh T tiền phí tổn nuôi con chung một cháu, một tháng là 3.000.000 triệu đồng; hai cháu, một tháng là 6.000.000 triệu đồng (Sáu triệu đồng), bằng hình thức chuyển khoản vào ngày 05 dương lịch hàng tháng. Anh Nguyễn Hồ Chí T được quyền thăm nuôi con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nuôi con chung của anh T. Việc thăm nuôi con chung của anh T không được làm ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của chị T và 02 cháu N và N. Vì quyền lợi của 02 cháu Nguyễn Thị Thu N và Nguyễn Thị Thu Ng các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về quan hệ tài sản:

2.3.1. Các đương sự không có tiền, tài sản riêng; không có tiền, tài sản cho nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3.2. Các khoản nợ chung; các đương sự tự thoả thuận chịu trách nhiệm trả nợ riêng như sau:

- Anh Nguyễn Hồ Chí T tiếp tục thực hiện các hợp đồng tín dụng và chịu trách nhiệm trả các khoản nợ vay theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng NN&TPNT huyện Đắk Glei; gồm: Hợp đồng vay số 5106-LAV-201700161 ngày 24/3/2017 do anh Tín đứng tên vay, hợp đồng vay số 5106-LAV-201800909 ngày 20/9/2018 do anh Tín đứng tên vay, hợp đồng vay số 5106-LAV-201900411 ngày 28/3/2019 do anh Tín đứng tên vay; với số tiền vay nợ gốc của các hợp đồng vay nói trên đến (ngày 28 tháng 10 năm 2019) còn nợ là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

- Chị Kring Quỳnh T tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng và chịu trách nhiệm trả khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng NN&TPNT huyện Đắk Glei, theo Hợp đồng vay số 5106-LAV-201601008 ngày 16/12/2016 do chị Kring Quỳnh T vay theo lương; với số tiền vay nợ gốc đến (ngày 28 tháng 10 năm 2019) còn nợ là 91.719.627 đồng (Chín mươi một triệu bảy trăm mười chín nghìn sáu trăm hai bảy đồng). Chị Kring Quỳnh T tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng và chịu trách nhiệm trả khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng có mã nón vay số: 6600000712048130, ngày 12/3/2018 ký kết với Ngân hàng CSXH huyện Đắk Glei; với số tiền dư nợ gốc đến ngày 25/10/2019 còn 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), tiền lãi đã trả đến ngày 13/10/2019.

2.3.3. Về tài sản chung: Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau:

- Anh Nguyễn Hồ Chí T được sử dụng, sở hữu các tài sản bao gồm:
 - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 736305, thửa đất số 22a, tờ bản đồ số 06 tại Thôn Long N, thị trấn ĐG, huyện ĐG, tỉnh Kon Tum.
 - + Xe bán tải hãng FORD, màu ghi vàng BKS 82C-03811.
 - + Xe ben hãng THACO, màu xanh BKS 82C-01364.
 - + Xe ben hãng THACO, màu xanh BKS 92C-00505.
 - + Xe máy Sirius, hãng YAMAHA, màu đỏ - đen BKS 82N-04957.
 - + Xe mô tô hãng HONDA, màu đen BKS 51A-8209.

- Chị Kring Quỳnh T được sử dụng, sở hữu các tài sản bao gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 809929, thửa đất số 18a, tờ bản đồ số 06 tại Thôn Long N, thị trấn ĐG, huyện ĐG, tỉnh Kon Tum.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 736813, thửa đất số 21c, tờ bản đồ số 06 tại Thôn Long N, thị trấn ĐG, huyện ĐG, tỉnh Kon Tum.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 491788, thửa đất số 56, tờ bản đồ số 30 tại Thôn ĐR, thị trấn ĐG, huyện ĐG, tỉnh Kon Tum.

+ Xe máy Vision hãng HONDA màu đen nhám BKS 82N1-09543.

+ Xe máy Hayate hãng SUZUKY màu trắng BKS 82L1-0444.

3. Về án phí (Thuận tình ly hôn):

Căn cứ Điều 144; Khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chị Kring Quỳnh T và anh Nguyễn Hồ Chí T mỗi người phải nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm; anh Nguyễn Hồ Chí T còn phải nộp số tiền án phí về cấp dưỡng là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) để nộp tiền vào Ngân sách nhà nước. Chị Kring Quỳnh T nhận nộp thay tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho anh T, chị T được chuyển số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/0004612 ngày 23 tháng 10 năm 2019 thành tiền án phí; chị Nguyễn Thị T còn được nhận lại số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhận tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Glei tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐG;
- Thi hành án dân sự huyện ĐG;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

